

SỐ 1784

KINH KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

Sa-môn Tri Lễ ở núi Tứ minh, đời Tống, soạn

QUYỂN 1

1. Hỏi đáp về mục đích soạn sách:

Hỏi: Xưa, Pháp sư Bảo Vân có soạn bộ Tán Thích Huyền Biện. Gần đây, A-xà-lê Cô Sơn lại dùng chương ký để nói về ý chỉ sâu kín. Nay lại soạn sách kia để làm?

Đáp: Pháp sư Bảo Vân giảng dạy, học trò chép lại nghĩa, ý nghĩa có lẽ thiếu sót chưa kịp sửa lại, không may Sư tịch. Tác phẩm của Cô Sơn vì nhiều việc nên mất văn; lại trong đó phá bỏ “Quán tâm”, việc này thật sự không chịu được. Vì thế nay tôi đảm nhiệm việc biên tập, lược lấy các nghĩa của Tiên sư để lại, và nhặt lấy văn mà người đời sau bỏ sót để giúp cho hai đường Giáo, Hành không đến nỗi bị che lấp, chỉ giúp cho người mới học thông hiểu, mong không chê cười tôi nhiều lời.

Ngày rằm tháng tư, năm Quý Hợi, niên hiệu Thiên Thanh năm thứ nhất, kính ghi lời tựa.

2. Giải thích đề kinh:

A. ĐỀ: Đề có sáu chữ, bốn chữ trên (Kinh Kim Quang Minh) là Sở thích, hai chữ dưới (Huyền Nghĩa) là Năng thích. Năng thích là chung, bắt nguồn từ Đại sư Trí Giả khi giải thích các kinh đều lập năm nghĩa. Cho nên chọn lấy lối giải thích này, để phân biệt với các bộ khác. Vào văn sẽ giải thích rộng rãi bốn chữ đề kinh, do đó không nói trước. Về

hai chữ năng thích, huyền là sâu xa mâu nhiệm khó thấy, nghĩa là lý thú sâu xa có nguyên nhân. Nghĩa sâu xa mâu nhiệm kia có năm lớp, vì một bộ kinh từ đầu đến cuối có danh năng thuyên, có Thể sở triệu, tức là Tông của thể; tông thành “lực dụng”. Đây là tướng trạng mở rộng và hạn cuộc của bốn thứ ngôn giáo. Đại sư tìm ra năm nghĩa như vậy, giải thích một đề, muốn giúp người học biết trước ý chỉ của kinh, sau mới tìm văn, giúp cho đối với từng câu văn có được sự hiểu biết để tu hành, đây là Đạo tràng giúp cho nhân thanh tịnh phát khởi, xứng hợp tâm Phật, giảng nói ý chỉ sâu mâu, vì thế không thể nói cho người ám chứng và người tìm văn, đâu thể để cho u vi trở thành hư danh ư? Về danh hiệu của vị sư năng thuyết: Núi Thiên Thai là chỗ dừng ở, Trí giả là gọi theo chủ, Đại sư là bậc khuôn mẫu của chúng sinh. Thuyết giả chỉ cho vị Sư cầm bút soạn thuật, khác với các vị sư khác. Như sự tích đầy đủ của Sư, có nói trong một truyện khác. Nay, ở đây không chép ra.

B. Giải thích Văn: Có hai.

I. Giải thích lời tựa: có hai.

3. Nói chung về pháp thể:

Một là Chỉ bày chung pháp thể: Đây là lời chỉ định. Kim Quang Minh là pháp thể được chỉ bày. Sâu xa vô lượng là nói về thể đức. Nên biết, tên kinh ba chữ này là tựa đề riêng, là pháp chẳng phải dụ. Làm sao biết được như vậy? Vì Kinh nói Như lai đạo chơi nơi hành xứ của các Đức Phật trong pháp tánh Vô lượng sâu xa, Ngài trụ trong định này mà tuyên bố rằng, Kim Quang Minh đứng đầu các kinh, đâu không chỉ thẳng pháp tánh là chỗ đạo chơi, gọi là Kim Quang Minh, không nói pháp tánh như Kim Quang Minh, nhưng văn dưới đây có lập thí dụ giải thích.

Bởi các Đại sư hiểu Kim Quang Minh là hiện tượng sự vật ở thế gian, dùng để ví dụ cho pháp sâu xa mà Như lai đã đắc. Các Sư dù mới dùng dụ để nói lên pháp, nhưng thật sự chẳng biết pháp tướng viên dung, tùy theo tên mà sự giải thích có hạn cục, cho nên không thể dụ khắp các pháp. Đại sư muốn chỉ bày biển Kim Quang Minh, chẳng pháp nào không đầy đủ, chẳng pháp nào không tròn chứa, vì thế thuận theo các Đại sư lấy ba chữ Kim Quang Minh làm dụ, đủ để so với chỗ đạo chơi của Đức Phật. Lược thì có mười thứ ba pháp, rộng thì tất cả pháp môn, mỗi pháp dung nhiếp lẫn nhau đều không thể suy nghĩ bàn luận, việc này mới xét các Đại sư dụ pháp không khắp, do đây hiển bày rộng pháp tánh tròn đầy.

4. Cho rằng đề kinh dụ không đúng pháp nên có lập văn phụ:

Nhưng, dù thuận theo các Đại sư dùng dụ để hiển bày pháp, nhưng đề kinh kia là dụ không đúng pháp, cho nên sau tự lập văn phụ, hai thứ đương thể để giải thích, bỏ kia tìm nghĩa thí dụ xa xôi, nương vào kinh pháp mới là gần gũi. Nhờ đó Đại sư hiểu rõ pháp tánh đáng tôn đáng quý đương thể gọi là Kim, vắng lặng mà thường chiếu soi, đương thể gọi là Quang, đại Bi lợi ích chúng sinh đương thể gọi là Minh. Đó là biết pháp tánh đầy đủ Kim Quang Minh, danh nghĩa chân thật, thành tựu hoàn toàn. Ngoài pháp tánh, thì tất cả danh ngôn đều là nghĩa không thật, do đó Kim Quang Minh ba thứ pháp môn, nêu một tức ba, toàn ba là một, chẳng phải ba chẳng phải một, mà là ba là một, không dọc không ngang, dứt bật nghĩ bàn, đó là kho Bí mật, chỗ Đức Phật đạo chơi.

Lại, nên biết dùng Kim Quang Minh chỉ bày pháp thể, tức là thể của năm chương, bởi kinh này tên là Kim Quang Minh thể là Kim Quang Minh tông là Kim Quang Minh dụng là Kim Quang Minh giáo tướng là Kim Quang Minh, cũng có thể ba chữ đối riêng với năm chương, là Thể Kim, tông Dụng là Quang là Minh, hợp chung ba thứ làm danh, chia riêng ba tên để làm giáo tướng, pháp thể đã như thế, thể đức cũng như vậy. Sâu xa là đức của Quang cùng tận pháp tánh, đức của Minh là Vô lượng, thông suốt bờ mé pháp tánh, đức của Kim là hai thứ này không hai, nghĩa pháp tánh rốt ráo tôn quý. Cũng có thể ba nghĩa đều sâu xa, đều vô lượng, đều không hai; đức của năm chương đều như vậy.

5. Nêu riêng ý nghĩa khởi giáo:

Hai là Nói riêng về ý giáo: Như trên là nêu chung pháp thể của năm chương, ở đây là nêu riêng ý nghĩa khởi giáo.

a) Nói về ý kinh: Tức Như lai nói về năm chương.

b) Nêu ý chung: Tức ngài Trí Giả lưu hành năm chương.

a) Tự có hai

Y lý dứt lời, vì “lý” tốt cùng chỉ có thể khéo chứng, khó dùng lời để gọi tên.

Phó duyên đáng nói: Đây là y theo Đại Bi, không nói mà nói, nói thì làm lợi ích cho người.

- Phần (a.1) Lại có hai:

Nói về ta (ngã) phân biệt: trên đến quả cùng tốt, dưới đến phàm thường, đều không thể dùng lý mâu mà nói được, phần này lại có ba:

Nói người ở quả không thể dụ hết, bốn Đức Phật nói kệ cân núi, giọt nước biển, đất bụi, cội hư không đều không thể so sánh với tuổi

thọ của Thế Tôn, trong bốn dụ này hư không rất lớn; ba thứ cân núi,... đều nương vào hư không mà lập, hư không tuy rộng lớn nhưng là cảnh do vọng tâm biến khởi, mê chân cho nên sinh, ngộ tánh thì mất, do mất tác đối tâm duyên mà có, không thể dụ hết, không thể suy nghĩ bàn luận Kim Quang Minh. Vì thế kinh nói: “hư không” sinh trong Đại giác, như hòn bọt nước nổi lên giữa biển cả, đâu thể dùng một hòn nước mà suy ra được sự rộng lớn của biển, hư không xưa nay không ai ví dụ, được ba thứ kia có thể bàn luận.

6. Hỏi đáp về dùng hư không để so sánh:

Hỏi: Kinh nói hư không... chẳng thể sánh với tuổi thọ mà Đức Thích Tôn đã được, nay vì sao nói hư không chẳng giống đại giác và Kim Quang Minh?

Đáp: Nếu tánh Giác nếu thiếu ba nghĩa Kim Quang Minh thì không gọi là “đại” (lớn). Nghĩa tuổi thọ của Đức Thế Tôn là ở “Minh”, không có đủ Kim Quang thì chẳng phải là thọ mãi. Một pháp cũng không ít, ba pháp cũng không nhiều, Chúng sinh và Phật không khác nhau, thể dụng không hai, nếu không như thế thì không phải nghĩa phương đẳng, bốn Đức Phật Thế Tôn dụ không thể kịp, rõ lý thì dứt lời.

- *Nói nhân vị chưa thể tận nguồn*: trên đây là nêu quả Phật chứng tuy rất tốt nhưng pháp vốn vắng lặng, cho nên nói dụ không rõ ràng. Nay phân biệt người ở nhân chưa đạt đến nguồn tánh, cho nên suy nghĩ tính toán không đến được. Phần này có hai:

- *Nói về dụ dùng trí để bác bỏ*: Mặt trời chói lợi dụ cho trí đức Bát-nhã, mắt trẻ con dụ cho trí tuệ quán sát không, giả, đã trái với bản trí thì chẳng phải Mắt Phật, vì thế đối với trí đức thì mặt trời chói lợi không phải là vật chiêm ngưỡng. Thuyền lớn Cột nhà dụ cho đoạn- đức giải thoát, phụ nữ mới sinh dụ cho duyên từ sinh pháp, đã khác vô duyên thì không có năng lực mâu nhiệm, cho nên đối với đức dứt thì cột nhà chẳng phải vật giữ gìn, đây là nói về quả vị tròn đầy, ba trí ba giải thoát, bác bỏ Bồ-tát Bi trí ba giáo trước.

Nếu Bồ-tát viên giáo tu đầy đủ đã tức tánh thì từ đầu sẽ không trái với hai đức; nhưng tuy hiểu ngay mà nếu từ nhân hưởng về quả trí thì có sáng suốt có mê mờ, năng lực phân chia mạnh, yếu, cho nên người ở nhân đối với Quả đoạn trí, cũng không chiêm ngưỡng và giữ gìn được. Phải rõ trí, đoạn gọi là Quang, Minh, hai đức không hai tức là pháp thân còn gọi là Kim, tuy dùng hai để bác bỏ, vẫn chưa nói lên cùng tận nguồn gốc ba pháp.

- *Nói về pháp, dùng nhân quả xác định*, Bồ-tát Thiên Viên đều có

khả năng hàng phục “dứt”. Hễ Bồ-tát làm việc gì đều gọi là thanh tịnh, nay quả tròn đầy cùng cực, pháp tánh thực hành đã vượt ngoài tất cả, cho nên nói là trải qua. Đối với người chứng Kim Quang Minh cùng tốt còn không thể dụ, người chưa cùng tận nguồn gốc thì đâu thể nói được? Ba là nói về phạm phu, Tiểu thừa hoàn toàn mê mờ, có hai lý do.

7. Phạm phu, Tiểu thừa không thể suy nghĩ, bàn luận biển Kim Quang Minh:

- *Tiểu thừa*: Bồ-tát Thiên Viên phát tâm rộng lớn, có phần chứng trí đối với lý dứt bật mâu nhiệm của Kim Quang Minh, còn không thể nhanh chóng lập lời, huống là hàng Nhị thừa diệt tâm tự độ, như người điếc lắng nghe, người ngọng ham nói, đâu thể suy nghĩ nói năng những điều thực hành của các Đức Phật.

- *Phạm phu*: Thánh Hiền Ba thừa tuy Tiểu khác Đại, nhân không bằng quả nhưng có thể tu chứng lý trí ba đế, còn không nói năng suy nghĩ được biển Kim Quang Minh, huống chi phạm phu ngoại đạo vốn không có phần ấy, thuận theo lời nói sinh hiểu biết.

Vì thế lời nói làm tổn hại sự thật, đã giữ không nói do đó im lặng thì có lỗi. Nếu bàn luận đầy đủ trong lời nói có đơn, phức và đầy đủ câu, nói đầy đủ về sự im lặng, thì ngoài ba lớp bốn trường hợp, mỗi mỗi đều không nói, giống với Độc Tử Bộ. Ta ở lần thứ năm không thể nói Tàng, đầy đều do tà ma ngoại đạo phát ra, im lặng mà thấy. Nếu người lo nghĩ xa xôi, và người học Phật với tâm duy lý, chẳng nói thì im lặng. Đối hai chỗ này làm lớn thêm kiến chấp sai lầm, tuy chẳng phải thần ngã mà hoàn toàn do người chấp, cho nên bốn giáo bốn môn đều sinh kiến chấp về lời nói, lia bốn liền khởi kiến chấp vô ngôn (không nói).

Vì thế luận Khởi Tín chép: Năm người chấp, đều là chấp Như lai tạng khởi. Nay sự bác bỏ chính là do người này, cho nên nói năng im lặng đều cho là không thể. Như vậy đủ bình luận về sự nói nín sinh kiến chấp của phạm phu, Nhị thừa thì thiên chứng suy nghĩ nói năng, Bồ-tát trí biện chưa cùng tốt, đều không thể bàn về tánh chí Viên. Trên đến quả Phật, tâm miệng hoàn toàn thanh tịnh, nói chứng rốt ráo, cũng không thể thí dụ, vì hiểu rõ Kim Quang Minh xưa nay bí mật, lia tướng nói năng, lia sự tâm duyên, khiến cho hành giả không còn nói năng, quên bật suy nghĩ.

8. Dẫn các kinh chứng minh:

1) Dẫn văn chứng minh:

2) Đại phẩm: Kinh và luận ấy chép, Phạm chí Tiên ni, tuy là ngoại đạo tà giáo nhưng căn cơ đã thuần thực, đến chỗ Đức Phật bạch rằng:

Xin hãy giúp con ngồi tại đây, không khởi mà vẫn đắc nhãn. Đức Phật vì người kia, chỉ bày chỗ quyết định, giúp cho chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật lại hỏi về trí ngộ lý của người ấy, do quán bên trong nên được trí ấy phải chăng? Đáp rằng, không phải. (Phật hỏi) Quán ngoài và trong ngoài bằng nhau được trí ấy phải chăng? Đều đáp: Không phải. Đây là bốn trường hợp ngôn tượng đều dứt bật mới đắc quả “Dự lưu”. Trí nhỏ còn như vậy, huống chi là Kim Quang Minh!

- *Đại kinh*: Văn đầu làm tan hết tất cả suy nghĩ, nói năng, lại từ Sinh sinh trở xuống là riêng mất bốn thuyết. Các nhà sơ kinh dựa vào đây mà tiêu quên đường bốn giáo ngôn tứ, pháp thật do nhân duyên sinh thành sinh ra nên gọi là sinh sinh ba tạng giáo. Cái Sinh huyền có tức là bất sinh, gọi sinh bất sinh là Thông giáo. Bất trụ bất sinh lập mười cõi sinh, gọi là bất sinh sinh, là Biệt giáo. Viên giáo gọi là bất sinh bất sinh, lý vốn bất sinh, sự tức là lý nên sự cũng bất sinh, gọi là bất sinh bất sinh, tánh vốn bất sinh, thuận tu tức là tánh, tu cũng bất sinh, cho nên hai thứ bất sinh, mê hoặc thể không, cho nên bất sinh. Trí dụng quên cho nên bất sinh, cho nên hai thứ bất sinh, không có nhân để tu vì thế bất sinh, không có quả để thành cho nên bất sinh, do hai thứ bất sinh nên mình, người cảm ứng các pháp tánh đối nhau đều không hai, vốn vắng lặng vì thế lại nói là bất sinh. Bốn lần đều nói “không thể nói”: Ở đây có hai ý.

Nếu là đương phần: Lý bốn giáo chỉ có thể trí chứng, chứ không thể nói được. Thân Tử nói: Trong giải thoát không có nói năng, là ba tạng. Ba người đồng cho rằng vô ngôn nói đạo dứt các phiền não; là Thông. Đồng tử chẳng nói, chẳng phải phạm chẳng phải Thánh, chẳng phải có chẳng phải không, cho nên không nói; là Biệt. Các pháp vắng lặng, không thể nói bày là Viên.

9. Pháp Kim Quang Minh không thể suy nghĩ, bàn luận: Nếu vượt thứ lớp: Lý Viên Diệu đều không thể dùng bốn thứ lời chỉ bày, cũng không thể nói trọn vẹn, huống chi là ba giáo! Như vậy là nói pháp Kim Quang Minh là kho Bí mật không thể suy nghĩ bàn luận.

- *Phó duyên có thể nói*: Lý Kim Quang Minh tuy lìa tướng vắng lặng, nếu quên tình mà chứng, dùng bốn Tất-đàn không nói mà nói thì giúp cho chúng sinh được vô lượng lợi ích. Văn chia làm bốn:

- *Nói về có duyên phải nói*: Sau bốn thứ Đại kinh không thể nói, tức cho rằng có nhân duyên cho nên cũng được nói, chẳng lẽ không phải phó duyên có thể làm ra bốn thuyết. Nói có nhân duyên là mười nhân duyên. Trong mười hai chỉ trừ hai chỉ “sinh, tử” ở tương lai, đây là

quả do nhân duyên thành; “Vô minh” quá khứ cho đến “hữu” của thời hiện tại, mười chi này đều có công năng thành nhân duyên, có khả năng thành quả sở đắc của bốn giáo. Vì sao? Vì chi “Vô minh” chính là tâm “ái, thủ” ở quá khứ, vì có tâm này nên Phật, Bồ-tát chỉ bày sử dụng các thứ danh nghĩa trong bốn giáo, đã “ái” lại còn “thủ” chính là nương vào bốn giáo, khởi bốn hạnh nghiệp tức là Vô minh duyên hành, nghiệp này có công năng hướng dẫn thức người đến gá vào thai mẹ, tức hành duyên thức; thức này theo nghiệp duyên của bốn giáo, thành quả của bốn thứ như danh sắc... tức là thức duyên danh sắc, cho đến xúc duyên thọ. Nghiệp tứ giáo chiêu cảm năm quả này, vì thế tâm thọ trở lại “ái” bốn giáo, tức là thọ duyên ái, ái sẽ chấp lấy pháp của bốn giáo, tức là ái duyên thủ. Nếu ái, thủ sâu thì có công năng siêng tu, hành hữu của bốn giáo, tức là thủ duyên hữu. Hữu sẽ vơi lấy quả, hiện tại thành tựu quả Hiền Thánh, đây là chúng sinh có mười nhân duyên, bấy giờ các Đức Phật nói pháp bốn giáo, chưa gieo giống cho gieo giống, lại dùng bốn pháp giúp người đã gieo giống được thuận thực, lại dùng bốn pháp giúp cho người đã thuận thực được giải thoát, nói có lợi ích như vậy, vì thế đối duyên chẳng thể không nói.

- *Nói thuyết này đáng tôn trọng*: Nói chung phó duyên là bốn giáo trong một thời hạn, nay đặc biệt hợp với căn cơ chỉ bày năm nghĩa của kinh này, và năm nghĩa kia mỗi nghĩa đều đáng tôn trọng, lại có hai:

10. Năm nghĩa của kinh này:

- Sắp bày năm nghĩa của kinh, Kim là tên v.v... tên có ba chữ, một phải có đủ hai. “Kim”: là trên hết, Quang Minh cũng thế, pháp tánh làm thể, tuy có ở tất cả, chỗ Như lai đi qua chỉ hạn cuộc quả chứng, rất thông suốt, cực kỳ hạn chế. Đặc biệt nêu nghĩa, ba chữ được nêu, tức là Đệ-nhất-nghĩa rất ráo. Trang nghiêm Bồ-tát... Văn dưới định Tông chỉ chấp lấy quả, nay nói Bồ-tát hẹn lúc chứng quả đã có thể trang nghiêm công đức sâu mầu, tức là quả cùng tốt sâu mầu của bốn đức, lời nói tuy dính mắc ở nhân, ý chính là ở quả. Soi sáng các vị trời... các vị trời, quỷ thần đều là Đại Bồ-tát, pháp tánh sáng suốt chiếu soi sẽ tăng thêm đạo, cho nên “đại quyền tâm sinh pháp hỉ”, là nói kinh có năng lực công dụng rộng lớn mà lại sâu.

Văn hiệu Kinh Vương... Bộ này nhiều văn gọi Kim Quang Minh là đứng đầu các kinh, vua có khả năng thống lãnh cho nên Giáo thu nhiếp các kinh. Nhưng Sở thích kinh vương, dùng Văn hợp lý mà làm Trung đạo, kinh này lại là vương, đối với chín thứ kinh được tự tại. Văn là năng thuyên, lý là sở thuyên, Văn lý hợp nhau do đó năng, sở dụng

nhau, hoặc giáo hoặc lý đều gọi là Trung Đạo, đều là Kinh Vương. Sở dùng Kinh Vương để nói về Thể, tức Sở thuyên là trung đạo. Nay dùng Kinh Vương để nói Giáo, tức năng thuyên là Trung đạo, nếu chẳng phải Trung Đạo thì giáo không nói lý Trung đạo, cẩn thận chớ hiểu sai, cho nên tên được gọi là giáo pháp Trung đạo.

11. Kinh này đáng tôn kính:

- Kết thúc chỉ bày đáng tôn kính: Kim là tên gọi cho nên cao quý, quả lý là thể cho nên Cực, rốt ráo ba thân cho nên Tông sâu, chẳng có vật nào không được lợi ích cho nên dụng lớn. Văn tự tức trung cho nên giáo gọi là Vương, vì thể năm chương mỗi chương đều cao rộng, ba Minh tôn quý cho nên các bậc Thánh che chở. Có hai.

- Hộ trì quả cùng tột: Trong sở thuyên mầu nhiệm, tất cả các pháp thú, danh không hai thể, tất cả Như lai chứng đắc thể này, nương vào trụ trì, thường thường nhớ nghĩ, khiến chúng sinh không khởi “tám đảo”. Kinh nêu bốn trí cho nên nêu bốn Đức Phật, thật sự thể này chẳng có Phật nào không che chở, vì thế nói: mười phương ba đời cũng giống như thể. Do đó Kinh nói: Chư Phật mười phương thường nhớ nghĩ kinh này.

12. Các Bồ-tát kính lạy kinh này:

- Đại quyền kính thờ: Tất cả Bồ-tát... phẩm Tán Phật ở dưới chếp: Bấy giờ vô lượng trăm ngàn muôn ức các chúng Bồ-tát, từ thế giới này đến cõi nước của Kim Bảo Cái Sơn Vương Như lai. Đến cõi nước ấy rồi, năm thể gieo sát đất đánh lễ Đức Phật, hướng về phía Phật chấp tay, miệng đồng lời khen ngợi Đức Phật. Sở chếp: Trình bày về, chúng khen ngợi đến cõi nước ấy, vì thế khắp các phương khác từ xa lễ lạy.

“Thiện nữ Thọ Thân...”: Cũng là văn phẩm này, trong bài kệ khen ngợi thần cây Bồ-đề chếp: Ta thường tu hạnh đại bi trên hết, buồn khóc như mưa muốn thấy Đức Phật. “Các vị trời che lấp...”: phẩm Tứ Thiên Vương và phẩm Tán Chỉ Cập Quỷ thần đều nói: Thường dùng thần lực che chở người nói người nghe: vua nước kia và thổ cảnh, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Đại Biện Thiên, phẩm Công Đức Thiên, trong mỗi phẩm đều nói sự lợi ích của người trì kinh. Các vị Bồ-tát và các Thiên thần này đa số đều là Phật xưa, hoặc phân thân ứng hiện, người từ xa lễ bái, khen ngợi công đức Như lai, che chở lợi ích cho người nói, người nghe, đều kính thờ Kinh Vương truyền bá phương đẳng. Nếu chẳng phải pháp môn chí diệu thì làm sao có khả năng khen ngợi hết lòng, vì thuyết bốn minh, cho nên sự lợi ấy bao gồm rộng lớn.

13. Các cõi lìa khổ được vui:

“Các cõi thấy đều khô cạn”: Phẩm Sám Hối chếp: Trong ba cõi

sinh tử, biển lớn nổi sóng lay động, não loạn tâm ta, vị đắng cay rất thô rít, lưới sáng của Như lai làm cho khô cạn, các cõi là không ngoài ba cõi Dục, Sắc, và Vô sắc. “Ba đường dứt nóng bức...”: Phẩm Tứ Vương chép: Kinh này có công năng làm cho các sông địa ngục, súc sinh, ngựa quỷ, đều khô cạn. “Nêu những điều quan trọng...”: Phẩm Tuổi thọ chép: Bây giờ, tất cả chúng sinh trong Tam thiên Đại thiên thế giới nhờ thần lực Phật mà hưởng sự vui sướng cõi trời. Các căn không đủ liền được đầy đủ, nói tóm lại, tất cả lợi ích chưa hề có trong tất cả thế giới, đều xuất hiện đầy đủ, nói sự lợi ích của kinh, chẳng những trừ được quả báo khổ trong ba đường các cõi mà thôi, phải nói mười loài trong hai mươi lăm cõi, lia khổ được mười điều vui, có công năng giúp Kim Quang Minh được hiển bày rõ ràng, mới đủ để nói về tướng xuất hiện các việc chưa hề có.

14. Nói lên ý chung của kinh:

- Nêu bày ý chung: Trên đã nói lý từ xưa vắng lặng, tùy duyên mà lập thuyết, đều nói ý Như lai nói kinh. Nay thì Đại sư Trí Giả tự nói trí lực, dùng nghĩa giải thích đề, nương văn nói nghĩa, là ý chung của kinh. Tự chia làm bốn:

“Bậc Thánh khen ngợi giữ gìn”: người muốn bắt đầu bàn luận thì trước phải nhớ nghĩ đến các bậc Thánh, khen ngợi không thôi, hộ pháp quên mệt nhọc, vì thế mong tâm Thánh tự đến. “Kim Long ba đời khen ngợi...”: Bồ-tát Tín Tướng ở quá khứ làm vua, hiệu là Kim Long Tôn, nói chương cú khen ngợi chư Phật, nguyện đến đời tương lai gặp Đức Phật Thích-ca, nay đã toại nguyện, lần ở trong hội này dùng kệ khen Phật, Kim Long Tôn vương ở quá khứ khen Phật, Bồ-tát Tín tướng là hiện tại khen Phật, lại có thệ nguyện trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đời vị lai, sinh ở chỗ nào, đêm mộng thấy trống vàng, ngày nói đúng như thật, tức đời vị lai khen Phật. Như thế kia đã một thân ba đời khen ngợi.

15. Hỏi đáp về khen kinh tức là khen Phật:

Hỏi: Kim Long ba đời đều khen ngợi Phật, đâu được giống như giảng nói kinh Kim Quang Minh, người và pháp khác nhau làm sao hiểu được?

Đáp: Nắm giữ thật pháp vô thượng Kim Quang Minh thành quả Phật vô thượng. Người Giả lia pháp, không có người lia người không có pháp. Lời khen ngợi Phật chính là khen ngợi sắc tâm mẫu nhiệm; sắc tâm này tức là Kim Quang Minh; Như Đại Sĩ Mã Minh quy y ba ngôi báu để cứu giúp người đời, lòng đại bi ấy là Phật, dùng thể tướng thân

kia làm pháp, y theo Phật khen tức là dùng thể khen ngợi Kim Quang Minh.

16. Địa thần phát nguyện che chở người giảng nói kinh này:

“Địa Thần...”: trong Phẩm Kiên Lao Địa thần, Địa thần Kiên Lao bạch Đức Phật rằng: Bất cứ chỗ nào có kinh này truyền bá, con đều trái tòa sư tử, giúp người nói pháp ngồi trên tòa ấy, giảng nói kinh này và ở trong đó, con thường che chở giữ gìn, che giấu hình hài, ở dưới pháp tòa, đầu đội chân vị kia, về trên Thánh trọng pháp cho nên tôn kính người.

- “Phàm sư khuôn phép, hai Thánh sáu chứng, còn nhiều kiếp khen ngợi, cúi mình tôn kính ủng hộ, là so sánh vị ngoại đạo phàm phu thấp hèn lãnh pháp cố gắng thực hành, chẳng lẽ không giảng nói rộng rãi hay sao?

- “Nương vào nghĩa, mà phát ra lời nói”: Nhờ nghĩa của các vị Thánh hộ pháp ở trên mà nay phát ra lời của năm chương thông kinh.

17. Cầu mong được lợi ích:

- “Xứng pháp cầu lợi ích”: giọt nước chim muông dụ cho điều lành của thông kinh, xuống biển lên núi khuyến dụ điều lành này thuận tánh thật nhờ chút duyên, tức điều lành dụ ở trên; đều được nhuộm sắc, tức là sự lợi ích hôm nay trông mong. Vì nói một giọt sương nhỏ khéo nguyện thì đồng một vị mặn của tánh biển, chim muông chút duyên nguyện cùng một sắc mầu nhiệm của núi Phật. “Núi: là núi Diệu cao bằng bốn thứ báu, phía Đông bằng vàng ròng, phía Tây bằng bạc trắng, phía Nam bằng lưu ly, phía Bắc bằng thủy tinh. Hễ chim ở gần chỗ nào thì có cùng màu sắc với núi. Một niệm vui theo công đức còn bằng với hư không, năm phẩm lưu thông chẳng lẽ điều lành nhỏ bằng giọt sương. Đặc biệt Đại sư so sánh phàm với Thánh, nhún nhường mình tôn kính kinh, người học sau hiểu biết không tự khoe khoang.

II. Giải thích huyền nghĩa: có hai

1) Nêu chương chia khoa: chia hai.

a) Giải thích Đề, tức là huyền nghĩa.

b) Giải thích văn, tức là câu văn.

Quyển này nêu tên chỉ nói huyền nghĩa, khoa văn thuận theo đây, vì thế không xếp vào khoa mục hai đoạn giải thích đề văn. Nay nêu chương chia khoa đầu ngại hợp với câu văn dưới để giải thích văn.

Nay chia huyền nghĩa để giải thích tựa đề. Trong giải thích đề trước nêu năm chương để giải thích điều ấy, y theo năm chương này có hai để giải thích, cái gọi là “chung, riêng”; vì hai giải thích này đều giải thích năm chương.

- 2) Nương khoa giải thích: có hai
 a) Giải thích chung: chia hai
 a.1) Sinh khởi

Phân biệt

Nếu quảng luận giải thích chung như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, giải thích chung năm chương mà chia ra bảy phần:

1. Nêu chương: giúp cho dễ nhớ giữ, sinh khởi niệm tâm.
2. Dẫn chứng: y theo lời Phật dạy để khởi tín tâm.
3. Sinh khởi: giúp cho không tán loạn, sinh khởi tâm định.
4. Khai hợp.
5. Phân biệt.
6. Khác hội, khởi tâm tuệ.
7. Quán tâm: ngay khi nghe liền tu, khởi tâm tinh tấn.

Nay, văn sơ lược, chỉ có hai phần, chỉ khởi hai tâm, sinh khởi để khởi Định, phân biệt để khởi Tuệ. Nếu Định, Tuệ được lập thì các hạnh đều thành. Trong hai thứ ấy thì đầu tiên là:

18. Nói về danh, thể, tông, dụng, giáo:

1) Sinh khởi: Danh ở trước, đó là năng thuyên. Mà danh là giả, phải nương vào pháp thật, vì thế nói cõi này dùng âm thanh làm Phật sự. Nhưng, nếu từ Phật và thiện tri thức, thì danh nhân ở tiếng, nếu từ trong kinh điển danh tuy do sắc, mà sắc kinh ấy vốn là sự nhóm họp của kinh giáo, do đó từ Kinh điển cũng nói nghe danh, đây là tự mình thực hành ban đầu theo danh ngôn. Thể ở sau, Danh là năng thuyên, như ngón tay chỉ mặt trăng. Thể là sở thuyên, như mặt trăng bị chỉ. Nếu quên đi ý ấy, chấp ngón tay là mặt trăng, thì chẳng những quên trăng mà cũng quên ngón tay. Nếu được ý ấy thì quên danh được thể, chẳng những biết được thể mà cũng chẳng quên danh. Nay nói về “đắc ý” cho nên nói cho nghe danh, sau biết pháp thể.

Tông xếp vào thứ ba, Tông tức là hành, hành có thể tiến lên từ nhân đến quả, nếu không biết thể thì không thành hành, thuyết này còn có thể hiểu như ba giáo ở trước, biết lý trong chân, duyên lý tu quán, cũng được gọi là hiển thể kế mới là hành. Nay nói viên tông toàn tánh khởi tu, nếu không hiểu tánh thì lấy gì để tu. Tánh là bản giác, tu là chỉ giác, cho nên không thể suy nghĩ bàn luận, bàn cảnh tức là quán, quán hành này mới là Viên Tông. Cho nên biết thể hiển kế mới hành, văn rộng nghĩa khẩn thiết, phải khéo hiểu đó.

“Dụng xếp vào thứ tư”: Vì Tông thành cho nên có lực dụng. Nói Tông thành là hiển thể xong. Toàn thể khởi Tông, tông lại hiển thể.

Toàn gương phát ra ánh sáng, ánh sáng lại hiển bày gương, gương đã hiển bày thì muôn hình hiện ra không sót, cho nên Tông thành có công năng làm lợi ích khắp chúng sinh.

“Giáo ở sau cùng”: Dụng có công năng làm lợi ích chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh mới để tâm lập giáo, do đó giáo phải xếp vào thứ năm sau nghe danh... Nhưng danh và giáo đều là lý năng thuyên. Do y theo tự tha (mình, người) mà có hai chương; mình thực hành mới được theo danh mà đặt chương, giáo hóa người khác mới cho theo giáo mà đặt chương, có đầu có cuối,... tức là hai đầu cuối. Từ tên được thể, Tông thành phát dụng, tự hành đầu cuối. Thiết giáo lợi ích người, người cũng tìm danh cho đến phát dụng, vẫn thành đầu cuối; Vì thế biết năm chương có hai đầu cuối. Văn nêu hai đầu, hình xuất ra hai cuối.

2) Phân biệt: có hai:

a) Phân khoa. Có ba:

Bắt đầu hỏi: y theo rất lược, rất rộng để làm đầu mối thưa hỏi, trong chỗ dẫn đã trả lời.

Đáp chung: Nếu danh số rộng lớn đã khó ghi nhớ giữ gìn, người tu quán trí nhìn bờ bến mà lùi sụt. Nếu chương đoạn tóm tắt sơ lược, là nói lên nghĩa không đầy đủ, thì học lời dạy của bậc Thánh hiền không thể sinh hiểu biết, do đó lập ra năm chương, nếu rộng lớn vừa chừng thì giúp hành giả nghĩa quán đều thành, đối với nghĩa đế bậc nhất dễ hiểu rõ.

Kết thúc bằng cách chỉ dạy.

b) Phân biệt: có hai

- Chánh phân biệt: Có hai

19. Nói về sáu cặp:

- Nói về sáu thứ: tức là sáu cặp: chung riêng, lý sự, nhân quả, giáo hạnh, tự tha, nói nín, chia làm năm chương.

a. *Chung riêng*: một chương trước tức là giải thích tên gọi, chung ba chữ Kim Quang Minh làm danh - năng - thuyên. Ba chương kế là Thể, Tông và Dụng. “Chia ba chữ làm riêng”: Do Kim thích hợp với Thể, Quang thích hợp với Tông, Minh thích hợp với Dụng, nên gọi là “Riêng”. Một chương sau tức là giáo tướng, “gồm cả chung riêng”: Chính là phân biệt tướng giáo vị của bốn chương chung riêng.

b. *Lý Sự*: Thể là Lý của bốn chương đã nói. Bốn chương là Sự của Thể đã sinh khởi.

c. *Nhân quả*: Ba chương trước là nhân, hai chương sau là quả, y theo dưới đây nói Tông chắc chắn ở trong quả, hợp lại để nói thì hai

chương trước là nhân, ba chương sau là quả, sợ vẫn sai lầm, nhưng thể chẳng phải nhân quả, mà là lý do nhân quả hiển bày nhờ danh được thể, vẫn là tin hiểu trong nhân hiển lý, chưa phải lý do Tông thành quả hiển, do đó xếp vào nhân.

d. Giáo hạnh: Bốn chương trước đều là hạnh, đối với sau lập giáo cho nên bốn chương trước đều là hạnh. Vì sao? Vì danh là hạnh pháp, thể là hành bổn, Tông là hành quả, dụng là hành đức.

e. Tự tha: Lại vì năm chương đều gọi là hạnh, mà xếp bốn chương trước vào hạnh tự lợi; dụng thuộc về tự lợi tự tại ứng dụng duyên nhân hiển bày, nên vẫn thuộc tự lợi. Chỉ một chương sau lập giáo mới thuộc về lợi tha, nên gọi hạnh, vì hai lợi đều làm.

g. Nói nín: Vì từ bốn chương đã phải tự hành đều phải quên lời, do đó đều thuộc về nín. Một chương sau vì giáo hóa người, ứng cơ, lập giáo, cho nên phải nói, đồng thời nói Thánh là lìa kiến chấp nói nín, là pháp của bậc Thánh.

- So sánh các nghĩa khác: ngoài sáu cặp đó, các nghĩa còn lại như: giải hành, tu chứng, phước thoát, thể dụng, cảm ứng... đều có công năng phân biệt tướng của năm chương, vì để khỏi rườm rà nên lược bỏ.

- Y theo dụ để nói: Có hai.

20. Nói về thí dụ để làm rõ:

- *Lập dụ:* Hiển, tức là chỉ bày. Trung đường tức là năm chương. Rõ ràng bao gồm là đức của pháp dụ. Bao gồm như trong đây có vật báu. Rõ ràng như chỉ cho người thấy. Vì thế Đại Luận chép: Giải thích Kinh Phật như trong đây có vật báu, buộc miệng đây thì người không biết, phải mở đây Kinh Phật, giải thích đạo lý. Ở đây cũng vậy, dùng ví dụ này nói về sáu cặp, cho nên nói đều là phân biệt ví dụ.

- *Hợp sáu thứ:* Tổng tổng đối với biệt biệt, biệt đối với tổng, đối chiếu với thí dụ rất dễ hiểu. Lý đủ bốn chương như đây có vật báu, toàn lý lập bốn như đem chỉ cho người. Nhân đủ quả đức như đây có vật báu, từ nhân hiển bày quả như chỉ cho người thấy. Hành ẩn ở trong giáo như đây có vật báu, giáo thuyết đối với hành như chỉ cho người thấy. Pháp làm lợi ích cho người tự mình phải tu như đây có vật báu, lại tự tu để lợi ích người, như đem chỉ cho người, im lặng chứng như đây có vật báu, nếu chứng mà nói thì như chỉ cho người thấy, không chỉ sáu cặp mà rất nhiều nghĩa (hạnh giải, tu chứng v.v...) đều có thể ví dụ.

21. Giải thích riêng:

- *Giải thích riêng:* Mỗi thí dụ trên đều chung cho năm chương, vì thế nói là giải thích chung. Ở đây thì năm chương, giải thích từng

chương một; Như khi giải thích tên gọi không nói bốn chương khác. Giải thích bốn chương khác cũng vậy, do đó sẽ giải thích riêng. Đại khái chia làm năm.

a) *Giải thích tên gọi*: Danh là một phần được xếp vào danh ngôn. Nay chỉ bày toàn phần lấy đề làm danh. Phần này tự có hai. Ngay hai danh chung riêng; Một chữ Kinh tức là tên chung, chỉ chung các bộ. Ba chữ Kim... tức là tên riêng, chỉ riêng đề kinh này. Nay các nhà giải thích đề mục các kinh, chỉ chia ra hai tên gọi chung và riêng, không nói kinh là năng thuyên, ngoài ra là sở thuyên. Theo Sơn giáo thì gần với hiểu biết.

b) *Giải thích tên riêng*: Có hai.

Quyết định ba, năm, rõ ràng, sơ lược đều không ngại. Vì bốn quyển này do ngài Đàm Vô Sấm dịch, chỉ nêu ba chữ Kim Quang Minh làm tên riêng, không có hai chữ Đế Vương. Nếu dùng Đề của bộ bảy quyển, do Chân-đế dịch thì ở sau Kim Quang Minh có hai chữ Đế Vương. Trong đề của bản này tuy không nói Đế Vương, nhưng trong Văn kinh có nghĩa Kinh Vương, vì thế người giải thích đề đối với hai chữ ấy, nói hay không nói hai đường đều không ngại. Lại theo Đại sư nhiều lần giảng nói kinh này thì khi giải thích đề, danh từ đế vương có hay không là để thích hợp với thời thế, do đó khiến cho bản văn sâu kín này có rộng, có lược.

Nói về văn nghĩa trước sau mà giải thích: Có hai

b.2.1) Dựa vào văn trước để giải thích ba chữ: Có hai:

- Nói về Giáo nghĩa giải thích: Nghĩa là Giáo giải thích nghĩa lý.

22. Giải thích theo quán hạnh:

- Y theo quán hạnh để giải thích: nghĩa là tu quán thành hạnh; đây là giáo hạnh đều nói, nghĩa quán đều nêu. Muốn giúp người công phu giải và hạnh đều thành.

Nêu bày: Trong năm thứ, hai thứ trước gồm tên chung, ba thứ sau chỉ có tên riêng. Trong ba thứ, một thứ đầu lập theo xưa, hai thứ sau chỉ là nghĩa ngày nay.

Theo trong Văn có sự lý, đương thể riêng ở lý.

Chính giải thích: Chia làm năm:

- Chung riêng: có hai.

24. Nói về chung riêng:

Phân biệt bày chung riêng. Có bốn.

Nói rõ về ba chung riêng: Ở đây, vì Đại sư giải thích sâu xa hai tên gọi, không chỉ dùng hai giáo Thông Biệt, mà còn dùng hai hạnh

chung riêng và hai Lý chung riêng. Vì thế nói nương giáo nói về hạnh, hạnh có chung riêng, từ hạnh nói về lý, lý có chung riêng, do đó ba chung riêng đều vờ lấy hai tên gọi, cho nên các Bộ chỉ có y theo lý để đặt hai tên, tức là Như lai tạng kinh... Tạng chính là lý riêng trong diệu tục, kinh là lý chung.

Có trường hợp chỉ y theo hạnh mà lập hai tên gọi: Tức là kinh Lăng-nghiêm, Tam-muội... Lăng-nghiêm đã khác với Tam-muội của Thiên tiểu, tức là hạnh riêng; kinh là hạnh chung. Có trường hợp chỉ dùng Giáo để đặt hai tên gọi ấy: tức kinh Di Giáo...

25. Dẫn các kinh để làm rõ:

a) Kinh Di Giáo đã khác với các giáo, đó là Biệt giáo, Kinh là Thông giáo. Hoặc lấy Giáo làm tên riêng, hạnh lý làm tên chung, như kinh Duy-ma-cật nói... Nói chính là Giáo sở thuyết, kinh là lý hạnh; hoặc dùng lý làm tên riêng, Giáo làm tên chung, như kinh Bảo Khiếp... tướng Thật như vật báu, kinh này như cái tráp. Giáo chứa đựng lý, hướng chỉ trong các bộ lấy lý làm kinh, loại ấy chẳng phải ít. Bộ này nói: Chư Phật trong mười phương thường nhớ nghĩ là kinh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Đập vỡ một hạt bụi lấy ra quyển kinh lớn.

b) Kinh Pháp Hoa chép: Tạng kinh Pháp Hoa này xa thẳm, không người đến được. Lại nói: được chư Phật nhớ nghĩ sinh các nguồn đức, vào các chánh định, phát tâm cứu tất cả chúng sinh, thành tựu bốn pháp mới gọi là kinh. Sở chép: Bốn câu là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật, tri kiến là kinh không phải lý mâu hay sao? Lấy hạnh làm kinh, như kinh Tiểu Di-đà chép: Chư Phật le ra chiếc lưới rộng dài nói lời thành thật, chúng sinh các người nên kính tin, kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Chi Sở Hộ Niệm này, đã chỉ công đức là chỗ hộ niệm, không phải hạnh hay sao? Đức Phật tự nêu lên hỏi: Thế nào gọi là Kinh chư Phật sở hộ niệm? Đức Phật tự giải thích rằng, nếu thiện nam, tín nữ nghe kinh ấy mà thọ trì và nghe danh hiệu Phật, thì người đó được Đức Phật hộ niệm, không còn lui sụt đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lấy từ kinh Hộ niệm để hỏi, lấy người có thể tu hành để trả lời, không phải lấy hạnh làm kinh hay sao?

c) Kinh Đại Di-đà: Lại, trong Kinh Đại Di đà Đức Phật kia nói hạnh, đều nói thuyết kinh, cho nên biết hạnh lý là kinh có rất nhiều chỗ nói, không thể chỉ lấy Giáo gọi là kinh. Thông kinh đã đầy đủ ba thứ Giáo, hạnh, lý; tên riêng đủ cả ba, rõ ràng rất dễ hiểu.

Phân biệt hai thứ dụng, giáo, ba chung ba riêng: Là của người giải thích đề này. Các Bộ đã theo cho nên đặt hai thứ ấy, hơn nữa y theo

giáo để nói tướng chung riêng, chỉ có giải thích này được các nhà giải thích khác chọn. Vì sao? Vì các sư chỉ lấy chữ kinh làm lý năng thuyết, các chữ còn lại là lý sở thuyết, đâu biết hai tên gọi đều ở trong giáo.

Nói công năng của giáo: Hai giáo Thông Biệt nương nhau mà lập, vì có công năng giải thích lý.

25. Hỏi đáp về có danh không danh:

Hỏi: Đây nói lý không danh tự, danh tự gọi là lý, và Chương Đương Thể chép: Chân-đế có danh, tục đế không danh, tự nhiên nói trái nhau như thế, làm sao hiểu được?

Đáp: Kia phân biệt chân tục, ở đây nói lý giáo, kia lấy Viên giáo sở thuyết làm chân, và lấy sự hiểu biết của người phàm làm tục, Chân vốn đầy đủ rất ráo danh nghĩa, do đó nói có danh; tục không có nghĩa chân thật vì thế nói không có danh. Giáo lý này đều sẽ nói đầy đủ. Lý không danh tự, là nói lên vốn vắng lặng lìa tướng danh tự. Danh tự gọi là lý: Chẳng phải nói phàm tục chấp tướng danh tự, mà là viên giáo xứng với thật danh, do lý đủ đức có thể ứng với các danh, cho nên mỗi danh đều là danh lý. Lấy dụ hư không không dài không ngắn, có thể ứng với số dài ngắn, do đó mỗi tượng và mỗi thức đều là hư không. Chương Đương Thể chép: Chân-đế có danh, thì đã nói đầy đủ; không chắc chắn có, có danh chính là không danh.

Vì thế, có danh của kia và vô danh ở đây tất cả nghĩa ấy so sánh thì đồng nhau. Luận Khởi Tín chép: Nghĩa chân như, trước nói lìa ngôn ngữ, sau nói nương ngôn ngữ, tuy chia ra hai nghĩa, nhưng chỉ có một “Chân Như”. Vì thế ngài Kinh Khê nói: Tánh vốn không tên gọi, mà đầy đủ các tên gọi. Phải biết văn này và chương Đương Thể đại khái không nhầm lẫn. Lại dẫn Bát-nhã, nghĩa Tổng trì tuy không văn tự mà nói là tổng trì, nếu không đầy đủ danh nghĩa chân thật thì đâu gọi là Tổng trì, hiểu sâu sắc thì nghĩa có, không, chẳng trái nhau.

26. Nói về giáo Thông. Biệt: Nói giáo Chung, riêng: Tuy trên đã nói công năng của Giáo, nhưng chưa nói về thể của chung, riêng. Nay lấy Văn tự làm thể Thông giáo, mới có thể lấy lý do làm thể biệt Giáo. Vì sao? Vì nói thiện nói ác, chỉ bày thiên, chỉ bày viên, đều dùng văn tự, Giáo ấy là thông, vì lẽ đó, có thể giải thích ý thú. Văn tự tùy theo ý thú mà chuyển đổi, ý thú khác nhau vì thế Giáo thành riêng khác. Phải biết toàn Thông là Biệt, lại dùng văn tự để nói. Vì sao? Vì biệt không lìa thông, vì ý thú kia dùng văn tự. Nay Chung, riêng đều ở trong Giáo, vì thế cả hai đều có thể nói.

Đề kinh chung riêng. Có hai.

Khấp chỉ bày các bộ. Có hai.

27. Dùng chung, riêng để giải thích đề:

Dùng chung riêng giải thích đề. Có hai.

Về chung: Thánh giáo gồm nhiếp tất cả thanh giáo một đời của Phật đều là văn tự. Từ kinh đến lời đều nói “một” là nêu lên một; tức là trong các kinh nêu lên một kinh, cho đến trong các lời nêu lên ý vị một lời, xếp thì hẹp mà tự rộng, đếm thì trước ít sau nhiều, nghĩa là kinh ít thời nhiều, cho đến câu ít lời nhiều, những thứ này đều là Phật nói, nói phải dùng văn tự, do đó biết văn tự là thể của thông giáo. Văn tự là thông nên gọi chung là kinh.

Về riêng Biệt: Có hai.

Nói về tướng riêng: Tức là lý do có thể hiển bày. Lời Phật nói, ý thú tuy nhiều nhưng bốn Tất-đàn gồm nhiếp tất cả. Tất-đàn Thế giới, khiến cho thế đế không hỗn loạn, như Hoa Nghiêm khác với A-hàm, Phương đẳng khác với Bát-nhã khiến cho sanh ưa thích. Vị nhân Tất-đàn, tiện nghi khác nhau, khiến phát khởi điều lành. Đối trị Tất-đàn, dứt bỏ duyên ác, khiến diệt trừ tội lỗi. Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn, cơ nhập lý khác nhau, khiến được diệu ngộ, nên nói danh tướng các kinh có khác nhau.

Kết bốn Tất-đàn: Nên đối với ngộ phối hợp với bốn rất dễ hiểu. Nếu nói một bộ kinh đều do bốn Tất-đàn, thì ý của bốn này bốn kia đã khác nhau, vì thế các kinh gọi là biệt.

Thí dụ hiển bày chung, riêng thành Giáo: Muối mặn, mơ chua, kết hợp sợi dọc sợi ngang, đều dụ cho thông của văn tự cho nên khác nhau. Vị ngon, văn hay đều dụ cho danh tướng các kinh khác nhau.

28. Xếp kinh này vào giáo nào:

Về sắp xếp giải thích kinh này: Có hai.

Giải thích những lý do theo Biệt: Nói riêng ý nghĩa bốn Tất-đàn trong kinh này: Có căn cơ thế giới, nghe ba thân là thường thì vui mừng, khen ngợi. Có Vị nhân cơ: nghe khen ngợi ba thân, thì sinh điều lành. Có căn cơ Đối trị: kham tu sám hối, phá ba ác chướng. Có Đệ-nhất-nghĩa cơ: hợp ngộ với lý hành xử của chư Phật, do ý riêng này nên nói kinh này. Bộ tuy là bốn tất đàn nhưng đều từ pháp môn Kim Quang Minh được lợi ích, vì thế nêu ba chữ để nói về “Giáo Biệt”.

“Từ lời nói chung...”: bốn Tất-đàn tuy khác với các kinh, nhưng mỗi tất-đàn đều cần văn tự. Thể văn tự là ở khắp các kinh, cho nên nêu chữ kinh để nói lên “Giáo thông”.

Kết lại: Trong hai nhà phiên dịch, đề mục ở đây tuy là bản của

ngài Đàm Vô Sấm, nhưng tên đề Kinh Kim Quang Minh do ngài Chân-đế dịch rất xác thật, do đó Sư quyết định dùng chung Hoa Phạm. Vì thế trong văn trước bàn luận đề kinh kỹ càng hay tóm lược, hai chữ “Đế Vương” hoặc nói hoặc không nói đều không ngại gì.

29. Dùng thí dụ giải thích:

Thí dụ giải thích: Nếu y theo Văn phụ giải thích trong quyển bốn chép: Nói nghĩa thí dụ, suy lời Phật xa gần, đúng sai. Suy nghiệm biết văn phụ và đương thể giải thích là chánh ý ở đây. Thuận theo ví dụ giải thích Văn tuy rộng, vì thấy các bậc Thầy xưa tuy dùng thí dụ giải thích, nhưng pháp dụ không khắp, phiên dịch nghĩa sở thuyên của kinh này. Do đây Đại sư dùng thí dụ giống như vị khác cả pháp môn viên dung, pháp môn này tuy từ Dụ hiển bày, nhưng là chỉ bày trước đương thể giải thích trong pháp Kim Quang Minh, chỉ khác tên gọi mà thôi. Vì pháp tánh có vô lượng đức, có vô lượng danh, tên là Kim Quang Minh, cũng gọi là pháp thân, Bát-nhã, giải thoát, cũng gọi là Pháp thân, Báo thân, Ứng thân, cũng gọi là Chánh duyên Liễu, cho đến tên Khổ, Hoặc, Nghiệp, một nhiếp tất cả, tất cả vào một, đã y theo thí dụ để nói về nghĩa này rồi, cho đến trong đương thể, chỉ định ba chữ, chẳng phải thí dụ là pháp, pháp thì dung nhiếp cùng khắp, thì đối với tất cả không hai không khác. Nhưng nếu biết được pháp Kim Quang Minh, là một thứ danh (tên) trong các thứ ba pháp này, thì hiểu ý chỉ lập đề của kinh này. Ở đây tự có hai.

30. Sự giải thích của các sư xưa:

Các sư xưa giải thích: Có ba.

1) Số Sư: Có hai.

Bình xét: Các kinh sư xưa: Tức là các vị xưa nay giảng kinh này, vốn giảng nói số luận gồm cả giảng kinh này, dùng thí dụ giải thích đề kinh đối với ba đức, hai phá. Ngài Chương An ghi chép nghĩa của ngài “Trí giả”, cho nên nói như Đại sư nói, có khi cũng nói sư Thiên Thai nói. Trước phá những gì trái Tông: Luận này chỉ lập hai thân, vì sao giải thích kinh lại dùng ba đức. Nếu chia ba thân giải thích ba đức, thì Tông mình sẽ mất, cho nên nói đối với luận không tiện. Kế là phá những gì trái với kinh: Nếu nói Luận này, tuy chỉ có hai thân, nhưng vì thuận theo văn kinh nên phải dùng ba đức, văn kinh chỗ nào nói rõ ba đức? Nếu nói kinh tuy không văn nhưng tìm nghĩa hợp có thì chỗ nào không thông, hợp đủ tất cả ba pháp đâu phải chỉ riêng ba đức hay sao? Đã trái với Luận này lại trái với kinh này, cho nên không theo.

2) Địa nhân: Có hai.

Địa nhân vốn mở rộng kinh Hoa Nghiêm, luận Thập Địa, và giảng kinh này. các Sư này giải thích đề rút gọn ba thành hai. Trên chất Kim có Quang có Minh, nhưng xét theo Thể kim thì đồng gọi là dụng, lại chắc chắn dụng này không từ ngoài đến, nên nói: là tự có. Vì như Giải thoát, Bát-nhã tuy là hai đức, nhưng coi Pháp thân đồng gọi là dụng, hai đức này không nhờ tu mà thành, cho nên nói tự có. Ở đây Sư chỉ dùng hai nghĩa thể dụng để giải thích ba chữ này.

3) Pháp: Luận nói ba Phật, luận giải thích kinh xưa có ba Phật:

a) Tỳ-lô-giá-na là pháp thân;

b) Lô-xá-na là Báo thân;

c) Thích-ca Mâu-ni là Ứng thân chính là hợp với nghĩa pháp thân, ứng thân, hóa thân của kinh này. Nếu dùng ba thân và ba chữ sở của đề kinh này thì đối với nghĩa kinh Luận không trái nhau, cho nên nói tự thuận tiện; Thế thì bỏ ba thân tự lập thể dụng, riêng trái với luận thuyết của mình.

Hoặc nói: Luận này tuy nói ba Phật là thuận theo kinh này nên nói thể dụng, bản dịch mới của kinh này, rõ ràng dùng ba thân để lập phẩm mục. Trong phẩm, ba thân sáng rực đáng nêu. Như bản nay, bản xưa tuy lược bỏ phẩm này nhưng danh nghĩa ba thân trong kinh rất nhiều, như phẩm Tứ Vương chép: pháp thân Chân thật của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng đáy nước, trăng nước đã ứng, chẳng lẽ giữa hư không chẳng có trăng ư? Trăng, hư không tức là báo thân. Tự nhiên khéo phân biệt cho nên dùng hai hiển bày ba. Lại như trong bài tựa riêng, Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa, Thích-ca Như lai chính là Ứng thân, sống trong là trí mầu Báo thân, pháp tánh sâu xa là pháp thân. Lại phẩm sám hối chép: Dùng dùi đánh trống phát ra âm thanh lớn. Trống tức là pháp thân, dùi đánh tức là báo thân, phát ra tiếng là ứng thân. Do đó biết danh nghĩa ba thân không ít, đâu phải chỉ có một chỗ nói thể dụng. Tiến thì không hiểu kinh, lùi thì trái với luận thuyết của mình, vì thế cũng phân biệt.

